Dt&C VINA

QUOTATION

THỬ NGHIỆM HỢP QUY / CONFORMITY REGULATION TESTING

QCVN 4:2009/BKHCN		
Product/ Sản phẩm	**Unit Price Đơn giá (VNĐ)**	**Lead time Thời gian**
Electrical rice cookers / Nồi cơm điện	4,000,000	7 ngày làm việc 7 working days
Electric oven, electric grill / Lò nướng điện, bếp nướng điện	4,000,000	7 ngày làm việc 7 working days
Electrical water heating and storage device / Thiết bị lưu trữ và đun nóng nước bằng điện	4,000,000	7 ngày làm việc 7 working days
Electrical kettle / Ấm đun nước điện	4,000,000	7 ngày làm việc 7 working days
Hair electrical dryers and other hair care devices / Máy sấy tóc và các thiết bị chăm sóc tóc khác	4,000,000	7 ngày làm việc 7 working days
Electrical fans / Quạt điện	4,000,000	7 ngày làm việc 7 working days
Electrical hands dryers / Máy sấy tay	4,000,000	7 ngày làm việc 7 working days
Electrical coffee makers / Máy pha cà phê	4,000,000	7 ngày làm việc 7 working days
5 items / Thử nghiệm 5 chỉ tiêu	2,000,000	4 ngày làm việc 4 working days
4 items / Thử nghiệm 4 chỉ tiêu	1,500,000	4 ngày làm việc 4 working days

QCVN 9:2012/BKHCN		
Product/ Sản phẩm	**Unit Price Đơn giá (VNĐ)**	**Lead time Thời gian**
Vacuum cleaner (1 motor) / Máy hút bụi (1 motor)	5,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Vacuum cleaner (2 motor) / Máy hút bụi (2 motor)	7,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Washing machine / Máy giặt	9,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Refrigerator / Tủ lạnh	9,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Hand tool drill (1 direction) / Máy khoan cầm tay (1 chiều)	5,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Hand tool drill (2 direction) / Máy khoan cầm tay (2 chiều)	7,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Instant electrical water heating devices / Thiết bị đun nước siêu tốc	7,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Air conditional (cooling) / Điều hòa (lạnh)	13,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Air conditional (cooling & heating) / Điều hòa (nóng & lạnh)	15,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Hairdryer / Máy sấy tóc	5,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Meat grinder / Máy xay thịt	5,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Juicer / Máy ép trái cây	5,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Egg beater / Máy đánh trứng	5,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Blender / Máy xay sinh tố	5,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Induction cooker (1 hole) / Bếp điện từ 1 vùng nấu	6,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Induction cooker (≥ 2 holes) / Bếp điện từ 2 vùng nấu	7,000,000	5 ngày làm việc 5 working days
Microwave / Lò vi sóng	10,000,000	5 ngày làm việc 5 working days

QCVN 19:2019/BKHCN		
Product/ Sản phẩm	**Unit Price Đơn giá (VNĐ)**	**Lead time Thời gian**
Đèn led trong nhà / Indoor led lighting - Safety test	4,000,000	10-15 ngày làm việc 10-15 working days
Đèn led ngoài trời / Outdoor led lighting standards	6,000,000	10-15 ngày làm việc 10-15 working days
Nhiễu điện từ / Electromagnetic Interference (EMI)	6,000,000	10-15 ngày làm việc 10-15 working days
Miễn nhiễu điện từ / Electromagnetic Susceptibility (EMS)	9,000,000	10-15 ngày làm việc 10-15 working days
An toàn quang sinh học / Photobiological Safety	5,000,000	10-15 ngày làm việc 10-15 working days

THỬ NGHIỆM AN TOÀN ĐIỆN / ELECTRICAL SAFETY TESTING QCVN 132:2022/BTTTT		
Product/ Sản phẩm	**Unit Price Đơn giá (VNĐ)**	**Lead time Thời gian**
Thiết bị thông dụng (đã bao gồm 01 thân máy và 01 adapter đầu tiên) / Normal equipment (including 01 machine body and 01st adapter)	23,000,000	10 ngày làm việc 10 working days
Addition of new PSU/Adapter / Thêm một PSU/Adapter mới	5,000,000	4 ngày làm việc 4 working days

THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM VIỄN THÔNG, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN / TESTING OF TELECOMMUNICATION AND INFORMATION TECHNOLOGY PRODUCTS		
Product/ Sản phẩm	**Unit Price Đơn giá (VNĐ)**	**Lead time Thời gian**
QCVN 16:2018/BTTTT Phát xạ giả bức xạ / Spurious emission of radiation Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD / W-CDMA FDD mobile communication base station equipment	10,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days

QCVN 41:2016/BTTTT Phát xạ giả bức xạ / Spurious emission of radiation Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM / GSM mobile communication base station equipment	10,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 47:2015/BTTTT Thiết bị truy nhập vô tuyến Wi-Fi 6E, Wi-Fi 7 / Wi-Fi 6E, Wi-Fi 7 Wireless Access Point	8,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 47:2015/BTTTT Thiết bị vô tuyến mạng diện rộng công suất thấp (LPWAN) / Low Power Wide Area Network (LPWAN) Radio Device	8,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 47:2015/BTTTT Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện: - Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 25 MHz - 1 GHz / Radio detection and warning device (for devices operating in the 25 MHz - 1 GHz band)	8,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 47:2015/BTTTT Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID) - Đối với thiết bị hoạt động ở băng tần 918,4 MHz - 923 MHz / Radio Frequency Identification device (RFID) (for devices operating in the 918.4 MHz - 923 MHz band)	8,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 47:2015/BTTTT Thiết bị thu phí giao thông không dừng áp dụng công nghệ nhận dạng vô tuyến điện (RFID) / Electronic toll collection device applying RFID technology	8,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 54:2020/BTTTT Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2.4 GHz / Broadband data transmission device operating in the 2.4 GHz band - Điều kiện thử nghiệm thông thường / Normal testing conditions	7,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 54:2020/BTTTT Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2.4 GHz / Broadband data transmission device operating in the 2.4 GHz band - Điều kiện thử nghiệm thông thường và tới hạn / Normal and extreme testing conditions	10,000,000	6-8 ngày làm việc 6-8 working days
QCVN 54:2020/BTTTT Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2.4 GHz / Broadband data transmission device operating in the 2.4 GHz band - Đo bổ sung điều kiện thử nghiệm tới hạn / Supplement extreme testing conditions	4,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 55:2023/BTTTT Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 9 kHz ~ 25 MHz / Short-range radio device in the frequency band 9 kHz ~ 25 MHz - Điều kiện thử nghiệm thông thường / Normal testing conditions	6,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 55:2023/BTTTT Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 9 kHz ~ 25 MHz / Short-range radio device in the frequency band 9 kHz ~ 25 MHz - Điều kiện thử nghiệm thông thường và tới hạn / Normal and extreme testing conditions	10,000,000	6-8 ngày làm việc 6-8 working days
QCVN 55:2023/BTTTT Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 9 kHz ~ 25 MHz / Short-range radio device in the frequency band 9 kHz ~ 25 MHz - Đo bổ sung điều kiện thử nghiệm tới hạn / Supplement extreme testing conditions	4,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 65:2021/BTTTT Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz / Radio access device in the 5 GHz band - Điều kiện thử nghiệm thông thường / Normal testing conditions	6,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 65:2021/BTTTT Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz / Radio access device in the 5 GHz band - Điều kiện thử nghiệm thông thường và tới hạn / Normal and extreme testing conditions	10,000,000	6-8 ngày làm việc 6-8 working days
QCVN 65:2021/BTTTT Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz / Radio access device in the 5 GHz band - Đo bổ sung điều kiện thử nghiệm tới hạn / Supplement extreme testing conditions	4,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 66:2018/BTTTT Phát xạ giả bức xạ / Spurious emission of radiation Thiết bị lặp thông tin di động W-CDMA FDD / Repeater for W-CDMA FDD	10,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 73:2013/BTTTT Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 25 MHz ~ 1 GHz / Short-range radio device in the frequency band 25 MHz ~ 1 GHz - Điều kiện thử nghiệm thông thường / Normal testing conditions	6,500,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 73:2013/BTTTT - Điều kiện thử nghiệm thông thường và tới hạn / Normal and extreme testing conditions	8,500,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 73:2013/BTTTT - Điều kiện thử nghiệm tới hạn / Extreme testing conditions	3,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 86:2025/BKHCN (3G + 4G) Thử nghiệm 2 công nghệ / Testing 2 technologies Thiết bị đầu cuối và phụ trợ trong hệ thống thông tin di động, W-CDMA FDD (3G), E-UTRA FDD (4G) / Terminal equipment and auxiliary equipment in, W-CDMA FDD (3G), E-UTRA FDD (4G) mobile communication	13,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 86:2025/BKHCN (4G) Thiết bị đầu cuối và phụ trợ trong hệ thống thông tin di động E-UTRA FDD (4G))/ Terminal equipment and auxiliary equipment in, E-UTRA FDD (4G) mobile communication	9,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 86:2025/BKHCN (5G) Thiết bị đầu cuối và phụ trợ trong hệ thống thông tin di động 5G NR(SA, NSA) Terminal equipment and auxiliary equipment in 5G NR(SA, NSA) mobile communication	45,500,000	2 tuần làm việc 2 weeks working days

QCVN 96:2015/BTTTT Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 9 kHz ~ 40 GHz / Short-range radio device in the frequency band 9 kHz ~ 40 GHz	5,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 103:2016/BTTTT Thiết bị trạm gốc, lặp và phụ trợ trong hệ thống thông tin di động GSM, W-CDMA FDD và LTE / Base station, setup, and auxiliary equipment in GSM, W-CDMA FDD, and LTE mobile communication system	5,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 111:2023/BTTTT Phát xạ giả bức xạ / Spurious emission of radiation Thiết bị lặp thông tin di động E-UTRA / Repeater for E-UTRA	10,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 112:2017/BTTTT Thiết bị vô tuyến truyền dữ liệu băng rộng / Broadband data radio transmission device	5,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 117:2023/BTTTT Thiết bị đầu cuối thông tin di động W-CDMA (3G) / Terminal equipment for W-CDMA (3G) mobile communication - Điều kiện thử nghiệm thông thường / Normal testing conditions	10,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 117:2023/BTTTT Thiết bị đầu cuối thông tin di động W-CDMA (3G) / Terminal equipment for W-CDMA (3G) mobile communication - Điều kiện thử nghiệm thông thường và tới hạn / Normal and extreme testing conditions	13,000,000	6-8 ngày làm việc 6-8 working days
QCVN 117:2023/BTTTT Thiết bị đầu cuối thông tin di động E-UTRA (4G) / Terminal equipment for E-UTRA (4G) mobile communication - Điều kiện thử nghiệm thông thường / Normal testing condition	18,000,000	5-6 ngày làm việc 5-6 working days
QCVN 117:2023/BTTTT Thiết bị đầu cuối thông tin di động E-UTRA (4G) / Terminal equipment for E-UTRA (4G) mobile communication - Điều kiện thử nghiệm thông thường và tới hạn / Normal and extreme testing conditions	26,000,000	7-8 ngày làm việc 7-8 working days
QCVN 117:2023/BTTTT Thiết bị đầu cuối thông tin di động - phần truy cập vô tuyến 2 công nghệ (3G và 4G) / Terminal equipment for mobile communication - radio access part for dual technology (3G and 4G) - Điều kiện thử nghiệm thông thường / Normal testing conditions	26,000,000	QCVN 117:2020/BTTTT 8-11 ngày làm việc 8-11 working days
QCVN 117:2023/BTTTT Thiết bị đầu cuối thông tin di động - phần truy cập vô tuyến 2 công nghệ (3G và 4G) / Terminal equipment for mobile communication - radio access part for dual technology (3G and 4G) - Điều kiện thử nghiệm thông thường và tới hạn / Normal and extreme testing conditions	35,000,000	QCVN 117:2020/BTTTT 13-15 ngày làm việc 13-15 working days
QCVN 118:2018/BTTTT Thiết bị đa phương tiện (thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình số vệ tinh/cáp/IPTV/DVB-T2) / Multimedia device (information technology device, digital satellite/cable/IPTV/DVB-T2 signal decoder)	5,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 119:2019/BTTTT Thiết bị thông tin vô tuyến và dẫn đường hàng hải / Radio communication and maritime navigation device	6,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 128:2021/BTTTT Phát xạ giả bức xạ / Spurious emission of radiation Thiết bị trạm gốc thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) / Fifth generation (5G) mobile communication base station equipment	10,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 133:2024/BTTTT Phát xạ giả bức xạ / Spurious emission of radiation Thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA / Multi-technology NR and E-UTRA mobile communication base station equipment	10,000,000	3-5 ngày làm việc 3-5 working days
QCVN 136:2025/BKHCN Wi-Fi 6E/7 radio equipment operating in the radio frequency band (5 945 ~ 6 425) MHz / Thiết bị vô tuyến Wi-Fi 6E/7 hoạt động trong dải tần số vô tuyến (5 945 ~ 6 425) MHz	25,000,000	5-7 working days

Ghi chú về báo giá:

- Đơn giá trên chưa bao gồm 5% VAT
- Đơn giá thử nghiệm nhanh/ ưu tiên bằng đơn giá cơ sở nhân với 1.5 lần
- Các mẫu thử nghiệm có kích thước, khối lượng lớn (Tivi, màn hình tương tác/ hiển thị có kích thước > 75 inch) đơn giá được tính bằng đơn giá cơ sở nhân với 1.3 lần
- Đối với các mẫu thử nghiệm yêu cầu đo kiểm trong điều kiện khắc nghiệt, khách hàng cần cung cấp mẫu đo dẫn hoặc mẫu đã xác định được vị trí đấu dẫn
- Khách hàng có thể gửi 02 - 03 mẫu/ model thử nghiệm để rút ngắn thời gian thử nghiệm
- Khách hàng cần cung cấp đầy đủ thông tin hướng dẫn vận hành, điều kiện đo kiểm trong điều kiện thông thường hoặc khắc nghiệt. Phòng thử nghiệm sẽ không chịu trách nhiệm nếu mẫu thử nghiệm gặp vấn đề sau khi kết thúc thử nghiệm

Notes on the quotation:

- The above prices do not include 5% VAT.
- The price for expedited / priority testing is calculated as 1.5 times the base price.
- For test samples with large dimensions or weight (TVs, interactive displays / monitors with screen size > 75 inches), the price is calculated as 1.3 times the base price.
- For test samples that require measurements under harsh/extreme conditions, customers must provide conducted test samples or samples with clearly identified connection points.
- Customers may send 02-03 samples/test models to shorten the testing time.
- Customers must provide complete operating instructions and testing conditions under normal or harsh environments. The laboratory will not be responsible if any issues occur with the test samples after the completion of testing.

Lưu ý khác:

1. Lưu ý chung

1.1. Mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp và vận chuyển đến DT&C Vina

1.2. Trong quá trình thử nghiệm, tùy thuộc vào phương pháp thử và cách gá lắp, mẫu thử có thể sẽ bị hỏng, hư hại, móp méo, trầy xước,... Do vậy, phòng thử nghiệm không đảm bảo sự nguyên vẹn như ban đầu của mẫu

1.3. DT&C Vina chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho khách hàng với những mất mát, hư hỏng của mẫu mà nguyên nhân không xuất phát từ quá trình thử nghiệm. Mức đền bù thiệt hại không vượt quá phí thử nghiệm của mẫu bị hư hại

1.4. Kể từ ngày nhận được yêu cầu từ DT&C Vina, trong vòng 03 ngày, khách hàng có trách nhiệm thu hồi và lưu mẫu tại doanh nghiệp (nếu cần)

1.5. DT&C Vina sẽ chủ động thuê đơn vị vận chuyển đến lấy mẫu thử và gửi về kho của doanh nghiệp khi quá thời hạn thu hồi nêu trên. Mọi rủi ro trong quá trình vận chuyển sẽ do đơn vị vận chuyển và khách hàng tự chịu trách nhiệm

1. General notes

1.1. Test samples are provided and delivered to DT&C Vina by the customer.

1.2. During the testing process, depending on the test methods and mounting/fixture setup, the test samples may be damaged, deformed, dented, or scratched, etc. Therefore, the laboratory does not guarantee that the samples will remain in their original condition.

1.3. DT&C Vina shall compensate the customer for any loss or damage to the samples if the cause does not arise from the testing process. The compensation amount shall not exceed the testing fee of the damaged sample.

1.4. From the date the customer receives the notice/request from DT&C Vina, the customer is responsible for collecting and storing the samples at their premises (if necessary) within 03 days.

1.5. If the above collection deadline is exceeded, DT&C Vina will proactively arrange a transportation service to collect the test samples and return them to the customer's warehouse. All risks arising during transportation shall be borne by the transportation service provider and the customer.

2. Lưu ý đối với dịch vụ thử nghiệm An toàn điện / Notes for test the Electrical safety requirements (QCVN 19:2019/BKHCN, QCVN 132:2022/BTTTT)

2.1. Các tài liệu/ phụ kiện cần cung cấp cùng mẫu thử:

+ Tài liệu kỹ thuật/ Technical document;

+ Mẫu đăng ký thử nghiệm

+ Phụ kiện kết nối (nếu có)

2.2. Mẫu thử sẽ bị hư hỏng hoàn toàn sau khi thử nghiệm. Các chỉ tiêu thử nghiệm gây hư hỏng mẫu như:

+ Kiểm tra hoạt động bất thường (quá tải, tắc nghẽn thông gió, điều kiện lỗi)

+ Kiểm tra độ bền điện (Hi-Pot)

+ Thử nghiệm tăng nhiệt độ trong điều kiện xấu nhất

+ Mô phỏng ngắn mạch và hỏng hóc linh kiện...

2.3. Khách hàng có thể lựa chọn một trong 2 phương án xử lý mẫu sau thử nghiệm / Customers can choose one of two sample processing options after testing:

+ Phương án 1/ Option 1: Trả lại mẫu sau khi thử nghiệm cho khách hàng (Yêu cầu trả mẫu phải được ghi rõ trong phiếu yêu cầu thử nghiệm hoặc thống nhất bằng văn bản khi gửi mẫu thử). Lưu ý/ Notes:

• Đối với những linh kiện hư hỏng nhẹ hoặc không hư hỏng DT&C Vina sẽ yêu cầu bộ phận lưu mẫu thu thập để trả về cho khách hàng

• Đối với những linh kiện hư hỏng nặng, biến dạng hoặc hư hỏng hoàn toàn có thể gây mất an toàn cho công tác lưu trữ hoặc vận hành của kỹ sư thử nghiệm và Dt&C Vina thì linh kiện đó sẽ được loại bỏ ngay sau khi kết thúc thử nghiệm và KHÔNG hoàn trả cho khách hàng

+ Phương án 2/ Option 2: Nếu không nhận được yêu cầu trả mẫu, DT&C Vina sẽ thuê công ty xử lý rác thải hủy mẫu theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Notes for Electrical Safety Testing Services (QCVN 19:2019/BKHCN, QCVN 132:2022/BTTTT)

2.1. Documents / accessories to be provided together with the test samples:

- Technical documents;

- Test application/registration form;

- Connection accessories (if any).

2.2. The test samples will be completely damaged after testing. Test items that may cause damage to the samples include, but are not limited to:

- Abnormal operation tests (overload, ventilation blockage, fault conditions);

- Dielectric strength test (Hi-Pot);

- Temperature rise test under worst-case conditions;

- Simulation of short circuits and component failures; etc.

2.3. Customers may choose one of the following two options for handling the samples after testing:

- Option 1: Return the samples to the customer after testing (The request for sample return must be clearly stated in the test request form or agreed in writing at the time of sample submission). Notes:

• For components that are slightly damaged or not damaged, DT&C Vina will request the sample storage team to collect and return them to the customer.

• For components that are severely damaged, deformed, or completely damaged and may pose safety risks to storage or to test engineers and DT&C Vina, such components will be discarded immediately after completion of testing and will NOT be returned to the customer.

- Option 2: If no request for sample return is received, DT&C Vina will engage a waste treatment company to dispose of the samples in accordance with the regulations of the Ministry of Natural Resources and Environment.

3. Lưu ý chung về chi phí thử nghiệm trong trường hợp mẫu thử nghiệm không đạt / General notes on testing costs in case the sample fails:

- Trường hợp mẫu không đạt do lỗi chất lượng mẫu thử; lỗi vận chuyển hoặc các nguyên nhân kỹ thuật khác phát sinh từ phía bên khách hàng, Phòng thử nghiệm sẽ báo với khách hàng và phát hành kết quả thử nghiệm với kết luận "không đạt" đối với mẫu thử đó. Phòng thử nghiệm hỗ trợ khách hàng thu 50% chi phí thử nghiệm theo giá niêm yết của sản phẩm.

- Từ lần thử nghiệm lại thứ hai trở đi đối với cùng một sản phẩm/ mẫu thử đó, Phòng thử nghiệm sẽ tính như một đơn hàng mới và hỗ trợ thu 50% chi phí thử nghiệm theo giá niêm yết của sản phẩm

3. General notes on testing costs in case the test sample fails:

In cases where the sample fails due to product quality defects, transportation damage, or other technical causes arising from the customer's side, the laboratory will notify the customer and issue a test result with the conclusion "Fail" for that sample. In such cases, the laboratory will charge 50% of the testing fee based on the product's listed price.

From the second re-test onward for the same product / test sample, the laboratory will treat it as a new testing order and continue to support the customer by charging 50% of the testing fee based on the product's listed price.

4. Tuyên bố từ chối trách nhiệm chung / General disclaimer:

4.1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu được thử nghiệm

4.2. Tên mẫu, thương hiệu, ký hiệu/ kiểu loại, số sê-ri, xuất xứ, các dấu phù hợp và các thông tin khác của mẫu thử do khách hàng công bố/ cung cấp và chịu trách nhiệm

4.3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của bên gửi mẫu

4.4. Công ty Cổ phần DT&C Vina (DT&C VINA) không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả

4.5. Không được sao chép một phần báo cáo thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của DT&C VINA

4.6. Tính xác thực của báo cáo thử nghiệm này và nội dung của nó có thể được xác minh bằng cách liên hệ với DT&C VINA, đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo thử nghiệm này.

4. General Disclaimer:

4.1. The test results are valid only for the tested sample(s).

4.2. The sample name, brand, designation/type, serial number, origin, conformity marks, and other related information are declared/provided by the customer, who shall take full responsibility for such information.

4.3. The customer's name is stated as requested by the sample submitter.

4.4. DT&C Vina Joint Stock Company (DT&C VINA) shall not be held responsible if the information provided by the customer affects the validity or applicability of the test results.

4.5. This test report shall not be partially reproduced without the prior written consent of DT&C VINA.

4.6. The authenticity of this test report and its contents may be verified by contacting DT&C VINA, the organization responsible for issuing this test report.

DT&C VINA ,JSC / Công ty Cổ phần DT&C Vina

GIÁM ĐỐC / Director — Mr. KANG MOON KYUNG

DVNF-202-01(01)1911218